TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2018/DS-ST
Ngày: 10-9-2018.
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quí Nhân– Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM *tham gia phiên tòa*:

Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 78/2018/DSST ngày 20/03/2018 về việc" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: ông Phạm Trường T, sinh năm 1994 - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 306/2018UQ-TTT ngày 07/3/2018) – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Trọng N, sinh năm 1952; Địa chỉ: 1276 đường D, phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh –vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Phạm Trường Thịnh trình bày:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân cho bị đơn là bà Nguyễn Trọng N theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10 tháng 11 năm 2008 và Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (đơn vị phát hành thẻ).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà N thanh toán, nhưng bà N vẫn không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 10/9/2018, tổng dư nợ của bà N tại Ngân hàng TMCP A như sau:

- Nợ gốc: 11.926.715 (mười một triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm mười lăm) đồng;

- Lãi quá hạn: 25.500.969 (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn chín trăm sáu mươi chín) đồng;

Tổng cộng: 37.427.684 (ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi tư) đồng.

Nay Ngân hàng TMCP A kính đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Trọng N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay 01 lần toàn bộ nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 10/9/2018 là 37.427.684 (ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi tư) đồng. Ngoài ra bà N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tiền lãi phát sinh theo quy định tại theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kể từ ngày 11/9/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Trường Thịnh có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 29/8/2018 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn là bà Nguyễn Trọng N đã được Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ, thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2018/QĐST-DS ngày 12/7/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2018/QĐST-HPT ngày 12/8/2018 nhưng bà N vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật TTDS năm 2015 (vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án) và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[ ] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Nguyễn Trọng N phải trả số tiền còn nợ lại theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" và "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín" ngày 10 tháng 11 năm 2008 thì đây là

tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh "đương sự Nguyễn Trọng N sinh năm 1952 không có thực tế cư ngụ tại nhà số: 1276 đường D, phường E, quận F. Hiện không rõ địa chỉ nơi cư ngụ của đương sự N. Đương sự N đã bán nhà và đi khỏi địa phương từ năm 2012 đến nay". Căn cứ vào "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ngày 10 tháng 11 năm 2008 thể hiện tại thời điểm ký kết bà N có ghi địa chỉ tại 1276 đường D, phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng năm 2015, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án

[ ] Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt. Đối với bị đơn là bà Nguyễn Trọng N mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ, để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[ ] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" và "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín" ngày 10 tháng 11 năm 2008 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận Ngân hàng TMCP A có cấp cho bà Nguyễn Trọng N thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 20.000.000đ (hai mươi triệu) đồng.

Căn cứ vào bản chi tiết sử dụng và tính lãi thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A xác định bà Nguyễn Trọng N còn nợ tổng số tiền tính đến ngày 10/9/2018 là 37.427.684đ (ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi tư đồng) trong đó bao gồm: Nợ gốc: 11.926.715đ (mười một triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm mười lăm đồng); nợ lãi: 25.500.969đ (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng).

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận

mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày 11/9/2018, bà Nguyễn Trọng N còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ngày 10 tháng 11 năm 2008 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ lãi quá hạn và nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về nợ gốc, lãi nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Về hình thức: xét xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng TMCP A và bị đơn bà Nguyễn Trọng N.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

- Buộc bà Nguyễn Trọng N phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc và số tiền lãi tính đến ngày 10/9/2018 là 37.427.684 (ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi tư) đồng trong đó bao gồm: Nợ gốc: 11.926.715đ (mười một triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm mười lăm đồng); nợ lãi: 25.500.969 (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng).

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày 11/9/2018 bà Nguyễn Trọng N còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A ngày 10 tháng 11 năm 2008 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Trọng N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.871.384 (một triệu tám trăm bảy mươi mốt ngàn ba trăm tám mươi bốn) đồng.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 861.010 (tám trăm sáu mươi mốt ngàn không trăm mười đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0025233 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TMCP A.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Ngân hàng TMCP A và bà Nguyễn Trọng N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày được tống đạt bản sao bản án hoặc tính từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Ngọc Phương